

Số: 155 /BC-UBND

Gia Lai, ngày 02 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia
trên địa bàn tỉnh năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Thông báo số 35/TB-TTHĐND ngày 20/10/2025 của Thường trực HĐND tỉnh về dự kiến nội dung, chương trình Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025, HĐND tỉnh khoá XII nhiệm kỳ 2021-2026; UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình MTQG) trên địa bàn tỉnh năm 2025, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh

1.1. Về thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG

Để thực hiện có hiệu quả 03 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 và cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh về tổ chức triển khai thực hiện và quản lý các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 tại tỉnh, UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG tỉnh giai đoạn 2021-2025¹; ban hành Quy chế hoạt động, ban hành chương trình công tác trọng tâm năm 2025 của Ban Chỉ đạo và thành lập các Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025.

Sau sắp xếp, UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Gia Lai tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 23/7/2025; Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Gia Lai tại Quyết định số 09/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 25/7/2025; Ban hành Chương trình công tác trọng tâm năm 2025 của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Gia Lai tại Quyết định số 12/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 31/7/2025.

Sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, triển khai thực hiện Thông báo số 339/TB-VPCP ngày 01/7/2025 của Văn phòng Chính phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản số 376/SNNMT-NTM ngày 17/7/2025 đề nghị kiện toàn Ban Chỉ đạo, Ban quản lý xã. Đến nay, hầu hết các xã đã kiện toàn Ban chỉ đạo, Ban quản lý xã và Ban phát triển thôn để

¹ Tỉnh Gia Lai (trước đây): Quyết định 06/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND tỉnh; kiện toàn tại Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 của UBND tỉnh; Tỉnh Bình Định (trước đây): Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND tỉnh; kiện toàn tại Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 của UBND tỉnh.

thực hiện các Chương trình MTQG tại các xã, phường sau khi sắp xếp.

1.2. Về ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành

Trên cơ sở các quy định, văn bản hướng dẫn của bộ, ngành trung ương về cơ chế quản lý, tổ chức, thực hiện các Chương trình MTQG, đến nay UBND tỉnh đã ban hành cơ bản đầy đủ các văn bản pháp lý để chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, nhất là trao quyền cho người dân tham gia các dự án, tạo được sự công khai, công bằng, minh bạch trong quá trình triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn. Công tác quản lý, điều hành Chương trình được thực hiện thống nhất, đồng bộ từ tỉnh tới địa phương.

Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 rất quan tâm, quyết liệt chỉ đạo công tác triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó xác định Chương trình mục tiêu quốc gia là nhiệm vụ chính trị quan trọng trong năm. Vì vậy, công tác chỉ đạo, điều hành các Chương trình mục tiêu quốc gia hiện nay là một trong những nội dung trọng tâm tại các phiên họp thường kỳ hàng tháng. Tại các phiên họp đều có báo cáo đánh giá, trao đổi, thảo luận về tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia để có định hướng và chỉ đạo kịp thời. Đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản để đẩy mạnh triển khai thực hiện và giải ngân các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh².

2. Công tác phối hợp triển khai, thực hiện 03 chương trình MTQG và công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện trên địa bàn tỉnh

Các cơ quan thành viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh đã phối hợp chặt chẽ trong hướng dẫn, đôn đốc thực hiện các Chương trình MTQG, đặc biệt trong công tác tham mưu xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách, phân bổ và điều chuyển vốn, cũng như phối hợp triển khai các dự án, tiểu dự án. Các văn bản hướng dẫn được ban hành kịp thời; việc rà soát văn bản còn thiếu và tổng hợp khó khăn, vướng mắc được thực hiện thường xuyên để kiến nghị cấp có thẩm quyền tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ.

Lãnh đạo UBND các xã, phường xác định triển khai Chương trình MTQG là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế – xã hội. Sau sắp xếp tổ chức bộ máy, Ban Chỉ đạo cấp xã, phường được kiện toàn, phân công nhiệm vụ phù hợp với nhân sự hiện có. Các địa phương chủ động phối hợp với sở, ngành để rà soát, trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm xử lý vướng mắc; kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh và báo cáo những nội dung vượt thẩm quyền nhằm bảo đảm hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu được giao.

Các cơ quan chủ chương trình, chủ dự án thành phần thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, xử lý khó khăn vướng mắc, bảo đảm thực hiện theo kế hoạch; ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá năm 2025 thực hiện các Chương trình mục

² Văn bản: số 807/UBND-NC ngày 23/07/2025 về việc đẩy mạnh giải ngân vốn năm 2025 các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai 1975/UBND-NC ngày 14/08/2025 về việc đẩy mạnh giải ngân các chương trình mục tiêu quốc gia; số 5113/UBND-NC ngày 17/10/2025 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh 03 tháng cuối năm 2025

tiêu quốc gia³. Kết quả giám sát cho thấy cơ bản đáp ứng chỉ tiêu, mục tiêu theo Nghị quyết HĐND tỉnh, một số tồn tại, vướng mắc đã được các sở, ban, ngành của tỉnh hướng dẫn, khắc phục đúng quy định, góp phần nâng cao hiệu quả triển khai Chương trình MTQG.

3. Việc lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác

Nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh (*Bình Định trước đây*) ban hành Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 07/9/2022 về ban hành cơ chế huy động nguồn lực và lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; trình HĐND tỉnh (Gia Lai trước đây) ban hành Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về Quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh;

Đến nay, qua quá trình triển khai, các dự án thực hiện cơ chế lồng ghép nguồn vốn nêu trên chủ yếu thực hiện tại các dự án thuộc các CTMTQG trên địa bàn huyện An Lão (*tỉnh Bình Định trước đây*). Trong đó, tổng số vốn lồng ghép giữa 02 Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là hơn 11 tỷ đồng. Tổng số vốn lồng ghép giữa Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững với Đề án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025 và Đề án nâng cao năng lực hoạt động hệ thống y tế cơ sở của tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025 với tổng vốn lồng ghép là hơn 23 tỷ đồng.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Kết quả thực hiện chung

Sau sắp xếp, Sở Tài chính và các cơ quan chủ chương trình của tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo) đã rà soát, tổng hợp nguồn vốn thực hiện Chương trình của 02 tỉnh tham mưu UBND tỉnh ban hành các Quyết định về phân bổ, điều chỉnh, bổ sung, hoàn trả vốn, kinh phí thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

- Các quyết định về điều chỉnh, phân bổ kinh phí sự nghiệp, gồm:

+ Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG năm 2025 cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh;

³ Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 08/7/2025 về Kế hoạch giám sát, đánh giá năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 26/KH-SNNMT ngày 21/8/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Kế hoạch số 10/KH-SDTTG ngày 25/8/2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo về Kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025.

+ Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025 cho các xã, phường phía Tây tỉnh Gia Lai;

+ Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 26/09/2025 về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2025 cho các xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

+ Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 về việc điều chỉnh đầu mối giao kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2025 cho các xã, phường phía Tây;

+ Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Các quyết định về điều chỉnh, phân bổ kinh phí đầu tư phát triển, gồm:

+ Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 26/7/2025 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Gia Lai;

+ Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách tỉnh thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025;

+ Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 17/08/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch năm 2025 của các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh;

+ Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch năm 2025 của các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh;

+ Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai;

+ Quyết định số 1922/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021-2025 tỉnh Gia Lai;

+ Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 về việc điều chỉnh đầu mối giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 các chương trình mục tiêu quốc gia;

+ Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 của cấp xã;

+ Quyết định số 2265/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch năm 2025 của các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

+ Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025; kế hoạch năm 2025 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Quyết định số 2490/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai;

+ Quyết định số 2502/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025 của các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh;

+ Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Quyết định số 2610/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh;

- 01 Quyết định về việc thu hồi và hoàn trả ngân sách tỉnh, ngân sách Trung ương kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh các năm trước chuyển nguồn sang năm 2025 (tại Quyết định số 2482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh);

1.1. Kế hoạch phân bổ vốn ngân sách nhà nước

Tổng kế hoạch vốn năm 2025 giao các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh (bao gồm vốn chuyển nguồn các năm trước sang 2025) sau khi đã trừ số liệu hoàn trả ngân sách⁴ là: **3.000,181 tỷ đồng**. Trong đó: vốn Trung ương được giao thực hiện: 2.471,97 tỷ đồng; vốn ngân sách tỉnh: 528,211 tỷ đồng, cụ thể:

a) Kế hoạch vốn năm 2025: được giao **2.295,069 tỷ đồng**; trong đó vốn TW: 1.850,039 tỷ đồng (bao gồm vốn đầu tư: 1.101,630 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 748,409 tỷ đồng); vốn NS tỉnh: 445,029 tỷ đồng (bao gồm vốn đầu tư: 349,414 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 95,615 tỷ đồng).

b) Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025: là **705,112 tỷ đồng**; trong đó vốn TW: 621,932 tỷ đồng (bao gồm vốn đầu tư: 221,674 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 409,258 tỷ đồng); vốn NS tỉnh: 83,181 tỷ đồng (bao gồm vốn đầu tư: 49,968 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 33,213 tỷ đồng).

c) Phân loại theo Chương trình MTQG như sau (bao gồm vốn chuyển nguồn các năm trước sang 2025):

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới : **826,954 tỷ đồng**. Trong đó: vốn trung ương: 631,885 tỷ đồng; vốn ngân sách tỉnh: 195,069 tỷ đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: **1.568,78 tỷ đồng**. Trong đó: vốn trung ương: 1.292,714 tỷ đồng; vốn ngân sách tỉnh: 276,066 tỷ đồng.

⁴ Thực hiện Quyết định số 2482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh, đã thu hồi, hoàn trả ngân sách tỉnh kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia các năm trước chuyển nguồn sang năm 2025 không còn đối tượng thực hiện, không còn nhiệm vụ chi, hết khối lượng để giải ngân hoặc do nhiều nguyên nhân chưa thực hiện được với tổng số tiền là **210.243,337 triệu đồng**. Trong đó, **nguồn ngân sách trung ương: 203.119,628 triệu đồng** (Vốn đầu tư phát triển: 21.918,022 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 181.201,606 triệu đồng); **Nguồn ngân sách tỉnh: 7.123,709 triệu đồng** (Vốn đầu tư phát triển: 4.103,238 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 3.020,471 triệu đồng);

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững : **604,448 tỷ đồng**. Trong đó: vốn trung ương: 547,371 tỷ đồng; vốn ngân sách tỉnh: 57,077 tỷ đồng.

1.2. Kết quả giải ngân các nguồn vốn ngân sách nhà nước

Trên cơ sở số liệu báo cáo của Kho bạc Nhà nước tỉnh và của các sở, ngành, địa phương về tình hình giải ngân vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, tính đến ngày 27/11/2025, số liệu giải ngân 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 (bao gồm nguồn vốn kéo dài sang năm 2025) cụ thể như sau:

a) Kết quả giải ngân chung:

Đến ngày 27/11/2025, tỷ lệ giải ngân chung kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài) các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh **đạt tỷ lệ 39,2%** so với kế hoạch vốn được giao (tương ứng với số vốn giải ngân 1.176,032 tỷ đồng/3.000,181 tỷ đồng), trong đó: Vốn ngân sách trung ương đạt tỷ lệ 39,3% (tương ứng với số vốn giải ngân 970,926 tỷ đồng/2.471,971 tỷ đồng); vốn ngân sách tỉnh đạt tỷ lệ 38,8% (tương ứng với số vốn giải ngân 205,106 tỷ đồng/528,211 tỷ đồng).

TT	Tên nguồn vốn	Tỷ lệ giải ngân từ đầu năm đến ngày 27/11/2025 (%)						
		Tỷ lệ giải ngân chung	Trong đó:		Vốn kéo dài sang 2025		KH giao năm 2025	
			Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư	Tỷ lệ giải ngân vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp
1	2	17	18	19	20	21	22	23
*	TỔNG SỐ GIA LAI	39,2%	56,3%	16,4%	62,7%	28,5%	55,2%	10,1%
	Vốn ngân sách trung ương	39,3%	59,0%	16,9%	63,6%	29,8%	58,1%	9,8%
	Vốn ngân sách tỉnh	38,8%	47,3%	12,4%	58,6%	12,3%	45,7%	12,5%
A	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	58,8%	64,1%	37,6%	71,2%	77,8%	63,0%	21,9%
	Vốn ngân sách trung ương	65,1%	72,3%	40,0%	71,5%	97,3%	72,5%	19,6%
	Vốn ngân sách tỉnh	38,6%	40,7%	23,6%	68,7%	0,7%	38,5%	38,4%
B	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	35,4%	52,0%	12,7%	54,1%	21,4%	51,7%	7,5%
	Vốn ngân sách trung ương	34,1%	51,9%	13,3%	55,8%	22,3%	51,2%	7,6%
	Vốn ngân sách tỉnh	41,6%	52,4%	6,8%	48,9%	6,5%	53,1%	6,9%
C	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	22,2%	47,4%	14,2%	73,2%	24,7%	39,5%	9,1%
	Vốn ngân sách trung ương	21,8%	46,8%	14,1%	69,1%	24,3%	40,2%	9,0%
	Vốn ngân sách tỉnh	26,3%	51,5%	14,9%	99,7%	30,6%	34,1%	9,4%

Bảng Tỷ lệ giải ngân các Chương trình MTQG

b) Kết quả giải ngân vốn đầu tư công:

Tỷ lệ giải ngân chung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài) các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh **đạt tỷ lệ 56,3%** so với kế hoạch vốn được giao (tương ứng với số vốn giải ngân 964,912 tỷ đồng/1.713,686 tỷ đồng). Trong đó, ngân sách trung ương đạt tỷ lệ 59% (tương ứng với số vốn giải ngân 775,816 tỷ đồng/1.314,304 tỷ đồng), ngân sách tỉnh đạt tỷ lệ 47,3% (tương ứng với số vốn giải ngân 189,097 tỷ đồng/399,383 tỷ đồng).

c) Kết quả giải ngân vốn sự nghiệp

Tỷ lệ giải ngân chung kinh phí sự nghiệp năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài) các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh **đạt tỷ lệ 16,4%** so với kế hoạch vốn được giao (tương ứng với số vốn giải ngân 211,119 tỷ đồng/1.286,495 tỷ đồng). Trong đó, ngân sách trung ương đạt tỷ lệ 16,9% (tương ứng với số vốn giải ngân 195,111 tỷ đồng/1.157,667 tỷ đồng), ngân sách tỉnh đạt tỷ lệ 12,4% (tương ứng với số vốn giải ngân 16,009 tỷ đồng/128,828 tỷ đồng).

d) Kết quả giải ngân theo Chương trình mục tiêu quốc gia:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: đã giải ngân 486,345 tỷ đồng/826,954 tỷ đồng, **đạt tỷ lệ 58,8%** (trong đó: vốn đầu tư đạt tỷ lệ 64,1%, vốn sự nghiệp đạt tỷ lệ 37,6%).

- Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN: đã giải ngân 555,209 tỷ đồng/1.568,78 tỷ đồng, **đạt tỷ lệ 35,4%** (trong đó: vốn đầu tư đạt tỷ lệ 52%, vốn sự nghiệp đạt tỷ lệ 12,7%).

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: đã giải ngân 134,478 tỷ đồng/604,448 tỷ đồng, **đạt tỷ lệ 22,2%** (trong đó: vốn đầu tư đạt tỷ lệ 47,4%, vốn sự nghiệp đạt tỷ lệ 14,2%).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

2. Kết quả triển khai thực hiện chi tiết từng Chương trình mục tiêu quốc gia

2.1. Kết quả triển khai, thực hiện chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- **Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt:** Từ đầu năm đến nay, các địa phương trên địa bàn tỉnh đã thực hiện hỗ trợ đất ở cho 05 hộ; hỗ trợ nhà ở 924 hộ; hỗ trợ chuyển đổi nghề 31 hộ; hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán 74 hộ và thực hiện xây dựng 02 công trình nước sinh hoạt tập trung với 309 hộ thụ hưởng.

- **Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết:** Trên địa bàn tỉnh có 22 dự án bố trí, ổn định dân cư, trong đó có 08 dự án đã hoàn thành, gồm: (1) dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư xã Chư A Thai, (2) dự án sắp xếp, bố trí ổn định các hộ DTTS du canh, du cư Buôn Ma Giai; (3) dự án sắp xếp, bố trí ổn định các hộ DTTS du canh, du cư làng Ia Jol và Ia Brêl, xã Ia Le; (4) dự án sắp xếp, ổn định dân cư thôn Tông Kek, làng Mung, xã Ia Hla và làng Kuải, xã Ia Blư; (5) dự án định canh định cư tập trung làng K2 xã Vĩnh Sơn; (6) khu tái

định cư vùng thiên tai thôn 4, thôn 5 xã An Vinh; (7) bố trí tái định cư thôn 2 xã An Toàn; (8) khu dân cư làng T6 xã Ân Tường. 14 dự án đang thực hiện bồi thường thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, xây dựng, thi công các hạng mục cơ sở hạ tầng.

- Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị: Trong năm 2025, toàn tỉnh đã triển khai thực hiện hỗ trợ khoán bảo vệ rừng 110.258,599 ha cho hộ gia đình đồng bào DTTS, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã thuộc khu vực II, III theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp; hỗ trợ bảo vệ rừng được giao cho hộ gia đình, cộng đồng dân cư là người đồng bào DTTS, người Kinh nghèo hiện cư trú tại các xã thuộc khu vực II, III theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ là 25.702,05 ha; trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ 40 ha (*trên địa bàn xã Ia Pa*). Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị: đã triển khai thực hiện 62 dự án đa dạng hóa sinh kế cộng đồng với 605 hộ thụ hưởng là hộ nghèo, cận nghèo sinh sống tại các xã đặc biệt khó khăn, thôn, làng đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi, hỗ trợ 21 máy xới đất, 1.450 con bò cái sinh sản.

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc: Về đầu tư cơ sở hạ tầng: Thực hiện đầu tư 397 công trình cơ sở hạ tầng, bao gồm: 289 công trình giao thông; 31 công trình thủy lợi; 44 công trình văn hóa; 20 công trình giáo dục; 08 công trình điện; 04 công trình y tế; 01 công trình chợ. Về duy tu bảo dưỡng các công trình: Thực hiện sửa chữa 66 công trình đường giao thông, 04 công trình giáo dục (*sân trường rào, mái che, phòng học...*), 09 nhà văn hoá xã và 12 công trình nước sinh hoạt.

- Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

+ Thực hiện đổi mới, củng cố và phát triển các trường PTDTNT, PTDTBT và công tác xóa mù chữ: Đã đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho 36 trường; Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên các trường; tổ chức 276 lớp xóa mù chữ với 7.660 học viên, đạt 40,6% kế hoạch.

+ Về bồi dưỡng kiến thức dân tộc và đào tạo nguồn nhân lực: Tổ chức 03 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho đối tượng 3, 4 với 260 học viên; 03 lớp dạy tiếng DTTS cho 120 công chức, viên chức làm việc trực tiếp với đồng bào; UBND tỉnh phê duyệt danh sách đào tạo 533 sinh viên đại học và 05 sinh viên sau đại học theo Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 13/11/2024.

+ Về đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ thực hiện Chương trình: Các địa phương trước sắp xếp đã tổ chức 09 lớp tập huấn cho 360 học viên; ngày 23/9/2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch 72/KH-UBND về đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cấp xã, thôn thuộc Tiểu dự án 4 - Dự án 5; đã tổ chức 07 lớp với 721 học viên đăng ký tham dự.

- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch:

+ Thực hiện nội dung khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch đã phối hợp với Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh và các địa phương tiến hành khảo sát, điền dã, tổ chức thu thập phiếu cung cấp thông tin về di sản văn hoá phi vật thể của đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh, qua đó đã thu được 1.000 phiếu cung cấp thông tin, 07 loại hình với 51 di sản.

+ Xây dựng và nâng cấp, cải tạo 45 công trình văn hóa (*nhà rông văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng*), trong đó đã hoàn thành 08 công trình; hỗ trợ đầu tư xây dựng 05 điểm đến du lịch tiêu biểu (*điểm đến du lịch tiêu biểu thôn 1, xã An Toàn; điểm đến du lịch tiêu biểu làng Hà Văn Trên xã Vân Canh; điểm đến du lịch tiêu biểu làng Ia Nueng xã Biển Hồ; tu bổ di tích lịch sử quốc gia nhà lưu niệm Anh Hùng Núp thuộc làng kháng chiến SiTor xã Tơ Tung; tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa quốc gia Plei Oi, xã Ayun Hơ*).

- Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em:

+ Hoạt động xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào DTTS và miền núi: Chi trả phụ cấp cho 27 cô đỡ thôn bản khu vực phía Tây; hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoại trạm với 176/176 đội tiêm lưu động, phục vụ 3.085 đối tượng.

+ Nâng cao chất lượng dân số: Mua 912 bộ dụng cụ cho các Trung tâm Y tế; tổ chức 378 buổi tuyên truyền, tư vấn khám sức khỏe tiền hôn nhân; mở 03 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế, dân số; tổ chức 300 hội nghị/cuộc truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; triển khai chiến dịch truyền thông lồng ghép khám, sàng lọc bệnh thường gặp và lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho người cao tuổi. Các Trung tâm Y tế đã tổ chức 210 buổi truyền thông chính sách pháp luật về dân số; triển khai 08 lớp tập huấn về sàng lọc trước sinh, sơ sinh; tư vấn khám sức khỏe tiền hôn nhân cho cộng tác viên dân số.

+ Phòng chống bệnh Thalassemia: Tổ chức các buổi truyền thông nâng cao kiến thức, hành vi sàng lọc bệnh cho nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ và phụ nữ chuẩn bị kết hôn (02 cuộc, 110 người tham gia); tư vấn cho 107 trường hợp tại Hoài Ân, Tây Sơn, Vân Canh.

+ Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ – trẻ em: Duy trì mô hình chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời tại các xã khu vực III; tổ chức 08 lớp tập huấn cho 240 cán bộ tuyến cơ sở; cán bộ được đào tạo tiếp tục mở 10 lớp tập huấn cho 258 nhân viên y tế thôn bản và cộng tác viên; triển khai tư vấn với 4.202 lượt và 4.709 đối tượng. Các Trung tâm Y tế hoàn thành hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Làm mẹ an toàn 2025; tổ chức 22 nhóm truyền thông cho khoảng 1.320 bà mẹ mang thai, nuôi con nhỏ; tham gia và đưa tin lễ phát động tại 12 xã với khoảng 1.700 người tham dự.

- Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: Đã thực hiện chi trả gói 02 về hỗ trợ trong sinh

cho bà mẹ và người chăm sóc và hỗ trợ gói 03 sau sinh cho bà mẹ với 05 đối tượng.

- Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn: Thực hiện giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS: Sở Dân tộc và Tôn giáo cùng với Đoàn thanh niên tổ chức diễn đàn về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống tại xã Vĩnh Sơn; phối hợp với Trường PTDTBT THCS Vĩnh Sơn thành lập mới Câu lạc bộ “*Thanh niên nói không với tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống*” tại trường; tiếp tục duy trì 05 Câu lạc bộ tại các Trường: Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Vĩnh Kim, Trường PTDTBT Canh Liên, Trường PTDTBT THCS An Lão, Trường THCS Bán trú Canh Thuận và Trường PTDTNT THCS&THPT An Lão đã thành lập năm 2023; phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Y tế (*Chi cục dân số*) tổ chức Hội nghị lồng ghép tuyên truyền về tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và tư vấn về chăm sóc sức khỏe sinh sản tại 06 Trường PTDTNT, bán trú, THCS trên địa bàn tỉnh.

- Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình:

+ Thực hiện biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến; phát huy vai trò người có uy tín; phổ biến pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền đồng bào: Sở Dân tộc và Tôn giáo đã tổ chức 05 hội nghị tập huấn phổ biến pháp luật, tuyên truyền vận động đồng bào DTTS với 461 học viên. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký kết hợp đồng với VOV Tây Nguyên, Báo và Đài Gia Lai để sản xuất phóng sự, podcast, bài viết phục vụ tuyên truyền chủ trương, chính sách phù hợp với điều kiện vùng DTTS và miền núi; đồng thời tổ chức các hội nghị tập huấn nghiệp vụ thông tin – tuyên truyền, thông tin đối ngoại cho 270 công chức phụ trách công/trang thông tin điện tử, truyền thanh xã và 170 công chức làm công tác thông tin đối ngoại cấp tỉnh, cấp xã và lực lượng vũ trang.

+ Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển kinh tế – xã hội và đảm bảo an ninh trật tự: Đã giải ngân kinh phí mua sắm trang thiết bị cho 03 điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã.

+ Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình: Sở Dân tộc và Tôn giáo đã phối hợp các sở, ngành tổ chức kiểm tra, giám sát tại 40 xã thụ hưởng vốn thuộc Chương trình trên địa bàn tỉnh.

2.2. Kết quả triển khai, thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

- Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội các huyện nghèo (*huyện An Lão cũ, huyện Kông Chro cũ, gồm các xã: An Hoà, An Lão, An Toàn, An Vinh, Ya Ma, Kông Chro, Chư Krey, Chư Long, Đăk Song, Sró*): đã triển khai 58 công trình: 27 công trình đã hoàn thành, 20 công trình đang thi công; 11 công trình đang phê duyệt dự án.

- Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Các xã, phường, đơn vị chủ trì liên kết (Hợp tác xã) tiếp tục thực hiện 92 dự án chuyên tiếp của năm 2024 với 1.607 hộ tham gia (ở các dự án chăn nuôi bò, nuôi gà, heo, trâu

cái giống, dự án ngành nghề phi nông nghiệp đan giỏ mây, xe nước mía... và hỗ trợ lưới đánh bắt thủy sản, phao cứu sinh). Sau khi thực hiện sắp xếp, xã, phường, đơn vị chủ trì liên kết đang triển khai thực hiện 85 dự án phát triển cộng đồng (60 dự án chăn nuôi bò cái sinh sản, 10 dự án nuôi gà thịt, 05 dự án nuôi heo, 10 dự án trồng trọt) cho hơn 1.500 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ khuyết tật không có sinh kế ổn định; hiện đang thẩm định 05 dự án liên kết theo chuỗi giá trị chăn nuôi bò thịt vỗ béo cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng:

+ Tiểu dự án 1, Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất: Các xã, phường tiếp tục triển khai các dự án chuyển tiếp từ năm 2024, có 76 dự án phát triển sản xuất cộng đồng hỗ trợ cho 265 hộ nghèo, 216 hộ cận nghèo, 45 hộ thoát nghèo tham gia ở các dự án chăn nuôi bò, nuôi gà, heo, trâu cái giống, trồng dâu nuôi tằm. Năm 2025, đang triển khai các dự án phát triển sản xuất cộng đồng cho hơn 50 dự án chăn nuôi bò cái sinh sản cho hơn 1.020 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật không có sinh kế ổn định.

+ Tiểu dự án 2, Dự án 3: Cải thiện dinh dưỡng: Đã tư vấn dinh dưỡng cho 7.160 bà mẹ mang thai và nuôi con đến 2 tuổi; lập danh sách 1.640 trẻ trong diện tư vấn; tư vấn vi chất dinh dưỡng cho 12.268 trẻ từ 5–16 tuổi. Thực hiện bổ sung vi chất cho 134.892 trẻ từ 6–59 tháng tuổi, 2.929 trẻ từ 5 đến dưới 15 tuổi bị suy dinh dưỡng, thấp còi.

- Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững:

+ Đã triển khai 08 dự án: có 02 dự án hoàn thành, 03 dự án đang triển khai, 01 dự án đang chờ kết quả đấu thầu, 01 dự án chưa phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, 01 dự án dừng do sắp xếp chính quyền địa phương 2 cấp, đề nghị hoàn trả kinh phí (vốn chuyển nguồn).

+ Tiểu dự án 1, Dự án 4: Hỗ trợ phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn: Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng nội dung nhiệm vụ, đề xuất giải pháp giảm nghèo bền vững năm 2025 cho các xã, phường phía Tây Gia Lai; xây dựng dự thảo và báo cáo tổng kết đánh giá tác động của pháp luật về chính sách đối với Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định Chính sách đặc thù về hỗ trợ đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh. Tổ chức đào tạo nghề cho 707 người, thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp, dân tộc thiểu số và lao động nông thôn khác.

+ Tiểu dự án 2, Dự án 4: Hỗ trợ lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Hỗ trợ kinh phí 2.955 triệu đồng cho 06 xã: Krông Chro, Ya Ma, Chư Krey, Sró, Chơ Long thuộc huyện nghèo Kông Chro (trước đây) và 04 xã: An Hoà, An Lão, An Vinh, An Toàn thuộc huyện nghèo An Lão (trước đây) để thực hiện hỗ trợ đưa người lao động trên địa bàn xã nghèo đi làm việc ở nước ngoài; ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; hỗ trợ người lao động tham gia các khóa đào tạo ngoại ngữ theo các hiệp định hợp tác giữa Việt Nam và nước tiếp nhận.

+ Tiểu dự án 3, Dự án 4: Hỗ trợ việc làm bền vững: Sở Nội vụ đã phối hợp các sở, ngành, địa phương triển khai một số giải pháp tăng cường kết nối cung cầu

lao động, phát triển thị trường lao động bền vững, hiệu quả, chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm phối hợp triển khai thực hiện chỉ tiêu tạo việc làm mới 6 tháng cuối năm 2025 và tăng cường công tác hỗ trợ tuyển dụng lao động cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Kết quả đã tổ chức 40 phiên giao dịch việc làm, thu hút 2.219 người tham gia, qua đó cung ứng 653 lao động cho các doanh nghiệp. Biên soạn 1.500 cuốn “Hỏi - Đáp về việc làm”, 1.400 sổ tay “Thông tin thị trường lao động” để cấp phát cho người lao động. Thu thập thông tin 2.828 lao động tìm việc và 137 doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động. Xuất bản phân tích, dự báo thị trường lao động 02 bản tin; xây dựng Đề án đào tạo, cung ứng lao động cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030.

- Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo: đã triển khai hỗ trợ 358 nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã thuộc các huyện nghèo (trước đây). Đang tiếp tục triển khai giải ngân vốn phân bổ cho các xã của huyện Kong Chro (huyện nghèo cũ trên địa bàn phía Tây) theo Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND tỉnh.

- Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin:

+ Tiểu dự án 1, Dự án 6: Giảm nghèo về thông tin: 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo đã có hệ thống đài truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương; tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã.

+ Tiểu dự án 2, Dự án 6: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều: Phối hợp với các cơ quan truyền thông, báo chí thực hiện các phóng sự, biên soạn, in ấn phát hành tờ rơi, các ấn phẩm, sản phẩm truyền thông tuyên truyền về Chương trình và chính sách giảm nghèo; xây dựng, lắp đặt các panô, băng rôn tuyên truyền tại các xã, thôn, làng về các nội dung, chính sách dự án của Chương trình về công tác giảm nghèo; tuyên truyền những gương điển hình, mô hình hay, có hiệu quả để giới thiệu tuyên truyền, nhân rộng để mọi người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo nỗ lực học tập và vươn lên thoát nghèo; tổ chức hội nghị tổng kết phong trào thi đua cả nước chung ta xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh.

- Dự án 7: Nâng cao năng lực, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình:

+ Tiểu dự án 1, Dự án 7: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình: Đã tổ chức 05 hội nghị tập huấn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, cận nghèo và xác định hộ sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình, người lao động thu nhập thấp năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022–2025 cho 911 lượt học viên là đại diện các sở, ngành, hội đoàn thể và lãnh đạo, cán bộ UBND xã/phường. Đồng thời, tổ chức hội nghị tập huấn về giảm nghèo bền vững, phân tích nguyên nhân nghèo, chiều thiếu hụt và giải pháp thoát nghèo cho đại biểu của 77 xã/phường. Tại địa phương, đã triển khai 135 lớp tập huấn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, cận nghèo và xác định hộ sản xuất có mức sống trung bình cho 4.725 học viên là đại diện các phòng, đơn vị thuộc UBND xã/phường và cán bộ thôn/khu phố.

+ Tiểu dự án 2, Dự án 7: Giám sát, đánh giá: UBND tỉnh đã ban hành Quyết

định 609/QĐ-UBND ngày 08/7/2025 về kế hoạch giám sát, đánh giá Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2025; tổ chức Hội nghị phân giao chỉ tiêu cho 135 xã, phường và kiểm tra việc thực hiện, trong đó có chỉ tiêu giảm nghèo năm 2024. Các đoàn công tác kiểm tra việc triển khai các dự án sau sắp xếp, tháo gỡ vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ giải ngân. Đã thành lập 07 tổ kiểm tra nguyên nhân nghèo tại 63 xã, tập trung các nhóm thiếu đất, vốn, phương tiện sản xuất và thiếu kiến thức, kỹ năng nhằm đề xuất giải pháp hỗ trợ phù hợp. Tổ chức đoàn kiểm tra việc thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo tại 04 xã phía Tây; kiểm tra, giám sát thực hiện các dự án, rà soát nguyên nhân nghèo và kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo, hộ có mức sống trung bình tại 10 xã phía Đông.

2.3. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

2.3.1. Kết quả thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình

- **Nội dung thành phần số 01:** Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá: Để phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thời kỳ 2021-2030, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 22/10/2025 về việc thực hiện lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trên cơ sở đó, UBND các xã, phường đang phối hợp chặt chẽ các Sở, ngành, đơn vị tư vấn để rà soát và đề xuất điều chỉnh các nội dung, định hướng, phương án quy hoạch trên địa bàn quản lý, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong điều chỉnh quy hoạch tỉnh. Dự kiến đến cuối năm 2025 có 110 xã, phường hoàn thành điều chỉnh quy hoạch chung, đạt chuẩn tiêu chí số 1 về quy hoạch theo mục tiêu của chương trình.

- **Nội dung thành phần số 02:** Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền:

+ Hỗ trợ phát triển giao thông nông thôn của các địa phương, hệ thống hạ tầng giao thông của tỉnh đã có bước phát triển mạnh góp phần rất lớn phục vụ phát triển kinh tế xã hội khu vực nông thôn. Hiện có 66/110 xã đạt chuẩn tiêu chí số 2 về Giao thông (đạt tỷ lệ 60%).

+ Nâng cấp, sửa chữa phát huy hiệu quả các công trình, dự án thủy lợi trên địa bàn tỉnh. Đến nay, toàn tỉnh có 97/110 xã đạt chuẩn tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai (đạt tỷ lệ 88,18%).

+ Tiếp tục đầu tư hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí về hạ tầng nông thôn, như: Tăng cường bảo trì mạng lưới điện nông thôn; Xây mới và nâng cấp các công trình trường học các cấp các cấp; Xây mới, nâng cấp và mua sắm các trang thiết bị trang trí, dụng cụ thể thao cho Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, làng; Cơ sở hạ tầng thương mại được quan tâm, đầu tư trang bị các trang thiết bị và dụng cụ cần thiết theo quy định; Cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông được đầu tư, nâng cấp, các xã đều có các điểm phục vụ bưu chính, dịch vụ viễn thông, internet và hệ thống loa đài đến các thôn, làng, đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu của người dân;

- **Nội dung thành phần số 03:** Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại

ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững:

+ Trong năm 2025, nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đã được UBND tỉnh và các địa phương ưu tiên hỗ trợ để phát triển kinh tế nông thôn, cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển sản xuất theo chuỗi liên kết, hỗ trợ phát triển hợp tác xã, phát huy hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Công tác đào tạo nghề luôn được các cấp, các ngành, các địa phương và các đơn vị quan tâm thực hiện nên đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Với nội dung trọng tâm là đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm tạo việc làm, tăng năng suất lao động và nâng cao thu nhập, giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế góp phần phát triển kinh tế nông thôn.

+ Kết quả: đến nay toàn tỉnh có 47/110 xã đạt chuẩn tiêu chí số 10 về Thu nhập; có 73/110 xã đạt chuẩn tiêu chí số 12 về Lao động; có 70/110 xã đạt chuẩn tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn.

- **Nội dung thành phần số 04:** Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo: Thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Chương trình MTQG phát triển Kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và Chương trình xóa nhà tạm, dột nát trên địa bàn tỉnh đồng thời thực hiện huy động các nguồn hỗ trợ, giúp đỡ từ các cá nhân, tổ chức; các sở, ngành, đơn vị, các địa phương kết nghĩa và các nguồn lực huy động từ các nguồn lực hợp pháp khác. Kết quả, hiện có 87/110 xã đạt chuẩn tiêu chí số 9 về Nhà ở, dân cư; có 47/110 xã đạt chuẩn tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều.

- **Nội dung thành phần số 05:** Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn:

+ Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100% em; 100% số xã phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi theo quy định. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) ngày càng được nâng cao. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học được quan tâm đầu tư theo hướng kiên cố hóa.

+ Mạng lưới y tế tiếp tục được củng cố và phát triển. Công tác y tế dự phòng, giám sát tình hình dịch bệnh được triển khai quyết liệt đồng bộ đến cơ sở. Các đơn vị trực thuộc ngành y tế đã tổ chức tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế nhất là các xã từ khu vực 3 lên khu vực 2, tuyên truyền nội dung chương trình phòng chống suy dinh dưỡng, phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể của huyện vận động nhân dân thực hiện.

+ Kết quả, hiện có 91/110 xã đạt chuẩn tiêu chí số 14 về Giáo dục; có 72/110 xã đạt chuẩn tiêu chí số 15 về Y tế.

- **Nội dung thành phần số 06:** Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của

người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn: Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh” tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện, đạt kết quả khá tích cực. Phong trào thu hút đông đảo cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong toàn tỉnh tích cực hưởng ứng tham gia thực hiện. Các hệ thống thiết chế văn hóa ở cơ sở được các địa phương từng bước xây dựng, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao ở cơ sở. Đến nay có 98/110 xã đạt chuẩn tiêu chí số 16 về Văn hóa.

- Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam: Các hoạt động bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn được các cấp, các ngành thường xuyên phát động, thông qua các hoạt động như: Hưởng ứng Ngày Môi trường Thế giới, tháng hành động vì môi trường, phong trào “Chống rác thải nhựa”, phát động ngày chủ nhật xanh - sạch - đẹp, ngày thứ 7 không rác, quét dọn đường làng ngõ xóm, khơi thông cống rãnh tại gia đình. Việc chỉnh trang xây dựng cảnh quan nông thôn, triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng môi trường nông thôn được các địa phương chú trọng. Việc xây dựng, cải tạo nghĩa trang tại các xã được thực hiện theo quy hoạch.

- Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới:

+ Việc thực hiện dịch vụ hành chính công: 100% đã triển khai thực hiện dịch vụ hành chính công trực tuyến toàn trình. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được tăng cường thực hiện có hiệu quả nhận thức và ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật của người dân đã được nâng lên; các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tiếp tục được các địa phương đặc biệt quan tâm.

+ Công tác đảm bảo bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội được các địa phương tích cực thực hiện. Việc bố trí, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo nữ ở cơ sở được các địa phương quan tâm, tỷ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy ở các xã ngày càng được nâng cao; cán bộ nữ thường xuyên được cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Phụ nữ là hộ nghèo, dân tộc thiểu số, khuyết tật có nhu cầu đã được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng khác; hoạt động tuyên truyền, vận động xóa bỏ hủ tục tảo hôn được tăng cường; nhiều thôn, làng đã thành lập các địa chỉ tin cậy, nhà tạm lánh tại cộng đồng để hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực gia đình.

- Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới:

+ Hàng năm, Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp đã tổ chức triển khai Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; thực hiện hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội, tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng nông thôn mới.

+ Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững” được chú trọng; thành lập các Câu lạc bộ “Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi” cấp xã; vận động hội viên nông dân tham gia chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế, nâng cao thu nhập, góp phần giảm nghèo bền vững. Tổ chức cho hội viên đi tham quan học tập kinh nghiệm các mô hình sản xuất tiêu biểu trên địa bàn tỉnh.

+ Các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ đã phối hợp tổ chức nhiều hoạt động nhằm góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất cho hội viên phụ nữ. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tổ chức các hoạt động nổi bật, như: Tổ chức Ngày hội “Phụ nữ Gia Lai ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng”;

+ Phong trào “Thanh niên khởi nghiệp góp phần xây dựng nông thôn mới”, triển khai có hiệu quả các hoạt động thuộc Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới.

- Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn:

+ Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh được giữ vững. Toàn tỉnh không để xảy ra tội phạm băng, nhóm hoạt động có tổ chức phức tạp, theo kiểu “xã hội đen”. Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc thường xuyên được đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm dân cư, dân tộc, tôn giáo; công tác xây dựng mô hình, điển hình trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn tỉnh được lãnh đạo các cấp quan tâm đẩy mạnh chỉ đạo, có nhiều chuyển biến tích cực; xuất hiện ngày càng nhiều mô hình hoạt động hiệu quả, thiết thực và thu hút đông đảo Nhân dân tham gia.

+ Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh rộng khắp, lực lượng dân quân được tiến hành chặt chẽ, đúng nguyên tắc, đúng quy trình, bảo đảm tính dân chủ, công khai, công bằng, tuyển chọn những công dân có đủ tiêu chuẩn; tổ chức đơn vị Dân quân được bố trí gọn phù hợp với điều kiện tổ chức hành chính và yêu cầu nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu. Tổ chức huấn luyện cho lực lượng dân quân, tự vệ và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh.

- Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới; truyền thông về xây dựng nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới:

+ Triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát thường xuyên trong khuôn khổ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo Chương trình công tác trọng tâm năm 2025 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai

đoạn 2021-2025 tỉnh Gia Lai. Qua đó, giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổ chức Đoàn kiểm tra giám sát liên ngành để đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại các xã phía Tây Gia Lai; tập trung vào các nội dung duy trì nâng cao chất lượng tiêu chí xây dựng nông thôn mới tại các xã mới sau sắp xếp; đề kịp thời đôn đốc, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc hiện nay trong tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; đặc biệt là về tiến độ thực hiện giải ngân nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã.

+ Đã tổ chức 03 lớp tập huấn “Đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng” thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm - OCOP với sự tham gia của 265 học viên là chủ thể và cán bộ phụ trách OCOP cấp xã của 110 xã trên địa bàn tỉnh.

2.3.2. Kết quả thực hiện các chương trình chuyên đề thuộc chương trình

- **Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ):** Năm 2025, tỉnh đã công nhận 135 sản phẩm OCOP (gồm 102 sản phẩm 3 sao, 27 sản phẩm 4 sao, 06 sản phẩm 5 sao). Lũy kế đến nay toàn tỉnh có 981 sản phẩm OCOP còn hạn (851 sản phẩm 3 sao, 123 sản phẩm 4 sao, 7 sản phẩm 5 sao) với 507 chủ thể: 82 hợp tác xã, 81 công ty, 340 cơ sở sản xuất và 4 hội/nhóm nghề. Đề xuất khen thưởng các sản phẩm đạt sao theo quy định. Về mô hình điểm, tỉnh đã triển khai mô hình thí điểm OCOP du lịch cộng đồng tại làng Mơ Hra (xã Kông Long Khong, huyện Kbang).

- **Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới (Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ):** Năm 2025, tiếp tục tham mưu triển khai 02 mô hình thí điểm đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (trước đây) phê duyệt, gồm:

+ Mô hình thí điểm sản phẩm OCOP về du lịch gắn với nâng cao vai trò tổ chức và quản lý cộng đồng thuộc Chương trình OCOP, tỉnh Gia Lai: Mô hình làng du lịch cộng đồng Mơ Hra, xã Kông Long Khong, huyện Kbang (trước đây). Hiện nay, mô hình được chuyển giao UBND xã Tơ Tung tiếp tục triển khai thực hiện. UBND xã đang đề xuất đánh giá xếp hạng OCOP 3 sao về du lịch.

+ Mô hình thí điểm du lịch gắn với sản xuất nông nghiệp tại Làng hoa Bình Lâm, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (trước đây). Hiện nay, mô hình được chuyển giao UBND xã Tuy Phước Đông tiếp tục thực hiện.

- **Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới (Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ):** Nhằm áp dụng chuyển đổi số để triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh, trên cơ sở chủ trương của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và đơn vị thực hiện cho thuê dịch vụ công nghệ thông tin xây dựng phần mềm “Hệ thống thông tin, dữ liệu phục vụ hoạt động Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới” (sau đây gọi là phần mềm). Sau khi vận hành thử nghiệm, phần mềm cơ bản đã

hoàn thiện và đáp ứng các yêu cầu về số hóa, thu thập, lưu trữ và cung cấp dữ liệu phục vụ công tác giám sát, chỉ đạo và điều hành Chương trình nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Tổ chức tập huấn trực tuyến nhằm hướng dẫn sử dụng phần mềm cho 110 xã trên địa bàn tỉnh và hiện đang hướng dẫn, đôn đốc UBND các xã thao tác nhập liệu phần mềm tại địa chỉ “nongthonmoi.gialai.gov.vn”. Phần mềm sẽ được tiếp tục hoàn thiện, điều chỉnh phù hợp với Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026–2030 ngay sau khi được trung ương ban hành.

- Kết quả thực hiện Mô hình thí điểm “Xã nông thôn mới thông minh Biển Hồ”: Trong giai đoạn 2021-2025, tỉnh Gia Lai được lựa chọn, phê duyệt Mô hình thí điểm “Xã nông thôn mới thông minh Biển Hồ” (tại Quyết định số 1824/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/5/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) với tổng kinh phí phân bổ 15.848 triệu đồng (trong đó: ngân sách TW hỗ trợ 14.790 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 1.058 triệu đồng). Tuy nhiên, khi thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, xã Biển Hồ sắp xếp với 04 đơn vị hành chính cấp xã khác do đó một số hạng mục, nội dung dự kiến trước đây không còn phù hợp, nên Mô hình thí điểm “Xã nông thôn mới thông minh Biển Hồ” chưa được phê duyệt và không đảm bảo thực hiện được trong giai đoạn 2021-2025. Do đó, mô hình đã dừng thực hiện tại Quyết định số 1569/QĐ-BNNMT Ngày 21/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Đến nay UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương liên quan tổng hợp và hoàn trả về ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh theo quy định.

- Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 (Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ): Năm 2025, tỉnh đã phân bổ 11.082 triệu đồng cho các địa phương tiếp tục triển khai thực hiện chương trình, cụ thể tại các mô hình sau:

(1) Mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh đơn giản, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu, phù hợp tập quán địa phương và khả năng chi trả của người dân; áp dụng thí điểm mô hình nhà vệ sinh đa năng tại một số trường học, nhà văn hóa, công sở tại các xã: Phú Thiện, Ia Hiao, Chư A Thai;

(2) Mô hình cảnh quan nông thôn xanh - sạch - đẹp gắn với văn hoá vùng, miền; phát triển các tuyến đường hoa, cây xanh bóng mát tại các xã: Phú Thiện, Ia Hiao, Chư A Thai;

(3) Mở rộng công trình cấp nước sạch tập trung đã có tại xã Cửu An;

(4) Mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh đơn giản, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu, phù hợp tập quán địa phương và khả năng chi trả của người dân; áp dụng thí điểm mô hình nhà vệ sinh đa năng tại một số trường học, nhà văn hóa, công sở tại các xã: Ia Tul, Ia Pa, Pờ Tót;

(5) Mô hình sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sạch tập trung đã - thực hiện tại Phường An Bình;

(6) Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sạch tập trung đã có (trong đó tập trung nâng cấp công nghệ xử lý chất lượng nước, nâng công suất, mở rộng mạng lưới cấp nước, ổn định nguồn nước khai thác trong điều kiện

ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu) tại Phường An Bình;

(7) Mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh đơn giản, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu, phù hợp tập quán địa phương và khả năng chi trả của người dân; áp dụng thí điểm mô hình nhà vệ sinh đa năng tại một số trường học, nhà văn hóa, công sở tại các xã Ia Tul, Ia Pa, Pờ Tó;

(8) Mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh đơn giản, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu, phù hợp tập quán địa phương và khả năng chi trả của người dân; áp dụng thí điểm mô hình nhà vệ sinh đa năng tại một số trường học, nhà văn hóa, công sở tại xã Phú Túc;

(9) Mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn quy mô hộ gia đình và khu dân cư phù hợp với đặc thù của từng địa phương tại xã Đak Đoa;

(10) Mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh đơn giản, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu, phù hợp tập quán địa phương và khả năng chi trả của người dân; áp dụng thí điểm mô hình nhà vệ sinh đa năng tại một số trường học, nhà văn hóa, công sở tại xã Ia Khur.

(11) Mô hình thí điểm cấp thôn, bản về giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam (đặc thù của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên), do Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương thực hiện tại xã Canh Hiền, huyện Vân Canh (trước đây).

- Xây dựng thí điểm Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn: Tiếp tục triển khai thực hiện mô hình thí điểm “*Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn xã Lơ Pang*”, với tổng kinh phí ngân sách Trung ương là 15 tỷ đồng.

2.3.3. Kết quả đạt chuẩn nông thôn mới

- Trước sắp xếp cấp tỉnh, xã:

+ Tỉnh Gia Lai (trước đây): Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới: có 03/17 đơn vị cấp huyện, đạt tỷ lệ 17,6%. Xã đạt chuẩn nông thôn mới: có 95/182 xã, đạt tỷ lệ 52,19%.

+ Tỉnh Bình Định (trước đây): Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới: có 07/11 đơn vị cấp huyện, đạt tỷ lệ 63,63%. Xã đạt chuẩn nông thôn mới: đạt 94/113 xã, đạt tỷ lệ 83,2%. Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: đạt 34/94 xã, đạt tỷ lệ 36,2%. Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: đạt 04/94 xã, đạt tỷ lệ 4,2%.

- Sau sắp xếp cấp tỉnh, xã: Qua rà soát, toàn tỉnh có 110 xã thực hiện xây dựng nông thôn mới; trong đó có: 47/110 xã đáp ứng theo Bộ tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 42,7%; 03/47 xã đáp ứng theo Bộ tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt tỷ lệ 6,4%.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Đánh giá chung

Được sự quan tâm của các Bộ, ngành Trung ương, chỉ đạo của Tỉnh ủy,

kiểm tra, giám sát của HĐND tỉnh, sự tham gia tích cực của MTTQVN tỉnh cùng các tổ chức đoàn thể, việc triển khai thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh trong năm 2025, nhìn chung có nhiều chuyển biến tích cực. Hệ thống văn bản hướng dẫn của Trung ương và tỉnh đến nay đã tương đối đầy đủ, kịp thời tháo gỡ vướng mắc và thúc đẩy tiến độ thực hiện.

Việc triển khai các Chương trình MTQG cơ bản đáp ứng mục tiêu, nội dung theo yêu cầu Trung ương; kinh phí phân bổ phù hợp với điều kiện thực tế. Trong năm, tỉnh và các địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cụ thể, huy động tất cả các nguồn lực để đảm bảo đạt các mục tiêu đề ra.

Tỷ lệ giải ngân chung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài) các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh **đạt tỷ lệ 56,3%** so với kế hoạch vốn được giao, cao hơn bình quân chung cả nước (tỷ lệ 48,9%)⁵.

Nguồn lực đầu tư của các Chương trình đã tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững: hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; hỗ trợ chuyển đổi nghề, phát triển sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi; góp phần ổn định dân cư, nâng cao thu nhập, giữ gìn bản sắc văn hóa, củng cố an ninh chính trị và khối đoàn kết dân tộc.

Nhìn tổng thể, các Chương trình MTQG đã làm thay đổi diện mạo nông thôn Gia Lai, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân; hạ tầng ngày càng hoàn thiện; sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; môi trường và đời sống văn hóa được cải thiện. Chương trình cũng phát huy vai trò chủ thể của người dân và tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, được ưu tiên tập trung nguồn lực để hoàn thành, nhất là các tiêu chí về nông thôn mới.

Cơ sở hạ tầng vùng đồng bào DTTS và miền núi tiếp tục được cải thiện rõ rệt: kênh mương, đường giao thông nông thôn được bê tông, nhựa hóa; trường học, trạm y tế được nâng cấp, một số công trình mới được xây dựng khang trang, nhất là hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú. Hoạt động chăm sóc sức khỏe, đời sống văn hóa được quan tâm, diện mạo nông thôn đổi mới, môi trường được cải thiện. Văn hóa truyền thống được bảo tồn, hệ thống chính trị cơ sở được củng cố; đội ngũ cán bộ người DTTS được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng; công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết các chính sách dân tộc được thực hiện thường xuyên. Đời sống vật chất, tinh thần và trình độ dân trí của đồng bào được nâng lên.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị – xã hội đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, huy động thêm nguồn lực ngoài ngân sách hỗ trợ các đối tượng thuộc chương trình MTQG. Các phong trào thi đua, hoạt động hỗ trợ của lực lượng vũ trang và doanh nghiệp đã góp phần không nhỏ thúc đẩy phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới nói riêng và thực hiện các CTMTQG trên địa bàn tỉnh nói chung.

2. Những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

2.1. Khó khăn, vướng mắc chung

⁵ Báo cáo số 598/BC-BTC ngày 31/10/2025 của Bộ Tài chính về việc báo cáo tình hình thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia 10 tháng đầu năm 2025

Mỗi chương trình có rất nhiều dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần nên việc triển khai thực hiện có sự lúng túng, bên cạnh đó nội dung, đối tượng của Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững có sự trùng lặp nên cán bộ các cấp cần thời gian nghiên cứu, tìm hiểu. Việc chậm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện của các Bộ, ngành Trung ương đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của chương trình trong các năm trước, dẫn đến nguồn vốn kéo dài sang năm 2025 lớn, tạo áp lực giải ngân đáng kể đối với các cơ quan, đơn vị và địa phương trong năm 2025. Qua rà soát, nguồn vốn, dự toán ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh các năm trước chuyển sang năm 2025 của các dự án, tiểu dự án, nội dung thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia không còn đối tượng thực hiện, hết nhiệm vụ chi và các nguyên nhân khác dẫn đến không đảm bảo khả năng giải ngân và đề nghị hoàn trả là rất lớn, tuy nhiên số đơn vị đề nghị bổ sung vốn, kinh phí rất ít, phần nào gây ảnh hưởng đến kết quả giải ngân chung.

Về giải ngân vốn đầu tư công, một số địa phương chưa thực sự chủ động thực hiện công tác rà soát, chuẩn bị thủ tục đầu tư ngay từ khâu lập kế hoạch, nên sau khi đã giao kế hoạch vốn còn mất nhiều thời gian hoàn thiện thủ tục đầu tư, phê duyệt dự án do đó đến nay chưa có khối lượng thanh toán kế hoạch vốn đã giao. Ngoài ra, do đặc thù của vốn đầu tư phát triển thường giải ngân vào cuối năm nên đến thời điểm báo cáo tỷ lệ giải ngân chưa đạt theo yêu cầu.

Việc giải ngân vốn sự nghiệp còn thấp chủ yếu do các vướng mắc về đối tượng hỗ trợ, và cơ chế quy định của các chương trình ràng buộc nhiều tiêu chí, khó thực hiện. Một số nội dung hỗ trợ của 02 chương trình mục tiêu quốc gia (gồm: phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; giảm nghèo bền vững) không còn đối tượng hỗ trợ hoặc đối tượng theo dự tính ban đầu đã đủ điều kiện ra khỏi đối tượng hỗ trợ của chương trình.

Việc phân định lại vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn chưa thống nhất, vẫn áp dụng quy định trước sắp xếp tổ chức bộ máy nên khi xây dựng dự án trên địa bàn xã mới, các đối tượng thụ hưởng khác nhau dẫn đến sự so sánh giữa các hộ sinh sống trên cùng địa bàn của xã mới.

Việc xây dựng kế hoạch thực hiện, lựa chọn các phương án, dự án phát triển sản xuất ở cấp huyện (trước đây), cấp xã còn triển khai chậm, kéo dài đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện, tiến độ giải ngân các nguồn vốn của chương trình. Một số dự án phát triển sản xuất cộng đồng, liên kết theo chuỗi giá trị (sử dụng kinh phí sự nghiệp) có thời gian thực hiện từ 3-8 tháng, việc giải ngân kinh phí phải theo tiến độ thực hiện dự án trong khi một số dự án mới được phê duyệt nên thời điểm giải ngân rơi vào cuối năm, ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân kinh phí sự nghiệp của các chương trình.

Sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp các xã, cán bộ tham mưu triển khai thực hiện chương trình tại cấp xã có nhiều thay đổi do nghỉ chế độ, điều chuyển công tác. Cán bộ phụ trách mới tại các xã chưa nắm được đầy đủ thông tin về nguồn vốn của các chương trình MTQG do cấp huyện, các xã cũ chuyển sang, do đó việc nắm bắt thông tin, phối hợp báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân gặp nhiều khó khăn, chưa kịp thời và mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến tiến

độ lập kế hoạch, triển khai thực hiện nguồn vốn. Một số đơn vị cấp dưới kết thúc hoạt động sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp (Hội liên hiệp phụ nữ huyện, ...) nên các cơ quan chủ trì các tiểu dự án thành phần không còn đối tượng để kiểm tra, giám sát, nên phải đề nghị hoàn trả kinh phí sự nghiệp đã giao thuộc nội dung kiểm tra, giám sát của các chương trình MTQG.

Ngoài ra, cơn bão số 13 (tên quốc tế: Kalmaegi) đổ bộ vào tỉnh (đầu tháng 11/2025) và đợt mưa lũ lớn từ ngày 18-20/11/2025, đã gây thiệt hại nặng nề trên địa bàn tỉnh, các đơn vị, địa phương phải tập trung nhân lực, vật lực cho công tác khắc phục hậu quả. Do đó, trong thời gian này, một số hoạt động tập huấn, đào tạo, kiểm tra, giám sát thuộc Chương trình phải tạm dừng triển khai, ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân chung.

2.2. Khó khăn, vướng mắc thuộc Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN

Đối với kế hoạch vốn năm 2025, một số nguồn vốn Trung ương phân bổ từ tháng 6/2025⁶, ảnh hưởng đến việc phân giao kế hoạch và chậm triển khai thực hiện ở tỉnh; đồng thời cùng thời điểm thực hiện sắp xếp, triển khai chính quyền 02 cấp, nhiều đơn vị, địa phương thay đổi nhân sự, đầu mỗi triển khai thực hiện Chương trình dẫn đến khó khăn trong công tác nắm bắt các văn bản thực hiện, triển khai giải ngân vốn Chương trình.

Các quy trình chuyên môn, nghiệp vụ giữa hai địa bàn của tỉnh trước sắp xếp còn khác nhau nên sau sắp xếp, các cơ quan, đơn vị phải rà soát, thống nhất trước khi áp dụng đồng bộ, trong khi việc phân tách chính xác các nguồn vốn cũng mất nhiều thời gian, làm chậm tiến độ. Một số nội dung trước đây do cấp huyện thực hiện khi chuyển giao quyết toán về xã phát sinh vướng mắc tài chính; ở một số xã mới, sự phối hợp giữa các bộ phận chưa đồng bộ, việc triển khai văn bản chỉ đạo và đề xuất điều chỉnh vốn còn chậm, dẫn đến chậm giải ngân. Đồng thời, khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp làm khối lượng nhiệm vụ ở cấp xã tăng mạnh, trong khi một số cán bộ còn thiếu kinh nghiệm, phải nghiên cứu, tìm hiểu thực hiện nhiều chương trình, dự án cùng lúc nên chất lượng tham mưu chưa đáp ứng yêu cầu, khó đảm bảo tiến độ theo quy định.

Bên cạnh đó, địa bàn triển khai chương trình rộng, giao thông đi lại không thuận tiện; sự bất đồng ngôn ngữ giữa những người làm công tác chuyên môn và người đồng bào DTTS khiến cho công tác tuyên truyền, vận động cho đối tượng thụ hưởng gặp nhiều khó khăn. Một số phong tục, tập quán của người đồng bào DTTS dẫn đến hạn chế trong tiếp cận dịch vụ y tế, đặc biệt về chăm sóc sức khỏe - dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, làm giảm mức độ tham gia của người dân và ảnh hưởng tiến độ giải ngân. Một bộ phận người dân, nhất là hộ nghèo đồng bào DTTS, còn

⁶ Quyết định số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 2)); Quyết định số 1411/QĐ-TTg ngày 29/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho một số địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 3); Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí sự nghiệp của ngân sách trung ương năm 2025 cho các địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào hỗ trợ của Nhà nước. Vì vậy, việc huy động sự tham gia của cộng đồng trong các dự án yêu cầu đóng góp, đối ứng còn hạn chế, ảnh hưởng hiệu quả thực hiện và tiến độ giải ngân.

- Một số khó khăn, vướng mắc cụ thể thuộc các tiểu dự án thuộc Chương trình như:

+ Tiểu dự án 1 - Dự án 3: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân: Việc chồng chéo, trùng lặp với nguồn dịch vụ môi trường rừng dẫn đến các đơn vị được giao vốn không sử dụng được nguồn vốn hỗ trợ của tiểu dự án 1, dự án 3 thuộc Chương trình để triển khai thực hiện.

+ Tiểu dự án 3 - Dự án 5: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi: Một số đối tượng và định mức hỗ trợ chưa phù hợp. Theo khoản 1 Điều 5 Luật Giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chỉ gồm trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp và trường cao đẳng. Do đó, nhiều Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên không thuộc diện được đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị từ Chương trình, gây khó khăn cho giải ngân vốn và ảnh hưởng chất lượng đào tạo nghề cho lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: Một số định mức chi cho các hoạt động của Dự án tại Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính còn thấp so với yêu cầu triển khai và duy trì các mô hình của Dự án ở địa bàn đặc biệt khó khăn.

+ Tiểu dự án 1 - Dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù: theo Công văn số 1017/UBNDT-DTTS ngày 21/6/2023 của Ủy ban Dân tộc do vướng mắc nhiều nội dung nên *“tạm thời dừng triển khai nội dung hỗ trợ đầu tư có thu hồi đối với hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi”*. Ngày 14/5/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 920/QĐ-TTg điều chỉnh một số nội dung của Chương trình, qua đó đã cơ bản tháo gỡ khó khăn tại nội dung này. Tuy nhiên, nguồn vốn phân bổ lớn (bao gồm vốn từ các năm trước chuyển nguồn sang) và đối tượng trùng lặp với nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất tại Dự án 3 do đó không đảm bảo khả năng giải ngân vốn trong năm 2025.

+ Tiểu dự án 3 - Dự án 10: Bộ Dân tộc và Tôn giáo chưa ban hành phần mềm kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình nên việc tổ chức tập huấn vận hành phần mềm kiểm tra, giám sát, đánh giá không triển khai thực hiện giải ngân vốn được.

2.3. Khó khăn, vướng mắc thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

Hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối giai đoạn 2021-2025 phần lớn là nhóm đối tượng bảo trợ xã hội, hộ có người ốm đau bệnh nặng, hộ không có lao động nên việc tạo ra thu nhập để ổn định cuộc sống vươn lên thoát nghèo là hết sức khó khăn. Tình trạng tái nghèo, phát sinh nghèo do gặp các rủi ro, thiên tai, bệnh tật

vẫn còn phát sinh, nhất là tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai.

Một số dự án phát triển sản xuất cộng đồng, liên kết theo chuỗi giá trị tại Dự án 2 và Tiểu dự án 1 Dự án 3 thuộc chương trình có thời gian thực hiện nhiều tháng, việc giải ngân kinh phí phải căn cứ theo tiến độ thực hiện dự án nên thời điểm giải ngân rơi vào cuối năm, ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân kinh phí sự nghiệp của chương trình.

Tình trạng thiếu nhân lực chuyên môn thực hiện công tác giảm nghèo sau điều chuyển nhiệm vụ của ngành Nông nghiệp và Môi trường, việc bố trí cán bộ ở một số xã chưa đúng với nhiệm vụ được phân công, bên cạnh đó khối lượng công việc hiện nay sau sắp xếp và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp tương đối lớn, cán bộ mới chưa nắm bắt kịp công việc đang triển khai, dẫn đến một số xã, phường lúng túng, chậm thực hiện.

2.4. Khó khăn, vướng mắc thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Hiện nay, các xã xây dựng nông thôn mới vẫn tập trung chủ yếu vào đầu tư hạ tầng, trong khi các nội dung về phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu nông nghiệp, văn hóa, môi trường chưa được chú trọng nên thiếu đồng bộ. Công tác giảm nghèo tại các xã đặc biệt khó khăn còn thiếu giải pháp hiệu quả, tỷ lệ hộ nghèo cao; đào tạo nghề và chuyển dịch lao động nông thôn chậm, làm ảnh hưởng tiến độ hoàn thành tiêu chí.

Bộ máy giúp việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021–2025 còn bất cập, phân công chưa rõ ràng, cán bộ biến động nhiều và kiêm nhiệm nên hiệu quả chưa cao. Nguồn lực trung ương và tỉnh bố trí còn hạn chế trong khi bộ tiêu chí giai đoạn mới yêu cầu cao, đặc biệt với các xã khó khăn.

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã (từ 01/7/2025), việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình bị ảnh hưởng: các xã lúng túng trong triển khai dự án, mô hình, nhất là nội dung về môi trường, an toàn thực phẩm, cấp nước sạch; một số chính sách, định mức chi thay đổi cần điều chỉnh; kế hoạch xã đạt chuẩn và nâng cao phải rà soát lại. Do thay đổi đơn vị hành chính, tỉnh phải dừng triển khai xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao năm 2025, đồng thời điều chỉnh kế hoạch xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu năm 2025 (theo Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh); tạm dừng mô hình xã nông thôn mới thông minh tại xã Phước Quang (là xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023).

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRONG THỜI GIAN ĐẾN

1. Nhiệm vụ và giải pháp chung

Năm 2025 là năm cuối giai đoạn thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 và thời gian đến cuối năm không còn nhiều, vì vậy để triển khai hiệu quả các Chương trình MTQG các cơ quan, đơn vị của tỉnh cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Gắn trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai thực hiện chương trình và cam kết về tiến độ thực hiện dự án và giải ngân các nguồn vốn được giao, gắn việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh nhằm tạo chuyển biến về nhận thức và trách nhiệm của các cấp, ngành và người dân; tạo sự đồng thuận trong xã hội để thực hiện có hiệu quả các Chương trình.

- Tập trung đôn đốc tiến độ thực hiện các công trình, dự án đang triển khai, định kỳ yêu cầu báo cáo định kỳ về tiến độ thực hiện. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Chương trình tại các địa phương.

- Cấp ủy, chính quyền tập trung chỉ đạo thực hiện và đánh giá các dự án, chính sách theo mục tiêu đề ra; phát huy vai trò cấp xã và cộng đồng trong lựa chọn công trình, tránh dàn trải, bảo đảm đầu tư trọng tâm và hiệu quả. Thực hiện tốt quy chế dân chủ để người dân tham gia giám sát và khai thác công trình. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tăng cường giám sát, huy động thêm nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo và kịp thời phản ánh vướng mắc trong quá trình triển khai. Kịp thời khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích và xử lý nghiêm vi phạm trong quá trình triển khai.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực cho cán bộ các cấp, nhất là cán bộ trực tiếp triển khai thực hiện Chương trình MTQG tại cơ sở.

2. Đối với Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN

- Tập trung hoàn thiện và đưa vào sử dụng các công trình hạ tầng thiết yếu, trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú và công trình nước sinh hoạt tập trung; đẩy nhanh các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất để tạo sinh kế, tăng thu nhập cho người dân vùng DTTS&MN.

- Các sở, ngành và đơn vị chủ trì tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc tiến độ tại các địa phương, kịp thời hướng dẫn tháo gỡ khó khăn. Đồng thời tiếp tục bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ tiếp xúc trực tiếp với đồng bào DTTS, và bố trí nhân sự phù hợp với vị trí việc làm.

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền chính sách dân tộc nhằm nâng cao nhận thức và phát huy vai trò tham gia của cộng đồng. Các đơn vị, địa phương được giao vốn phải đảm bảo mục tiêu giải ngân theo kế hoạch, tăng cường phối hợp nội bộ để bảo đảm hiệu quả triển khai Chương trình.

3. Đối với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

- Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng trong lập kế hoạch, thực hiện và giám sát. Áp dụng cơ chế đặt hàng để xây dựng, nhân rộng mô hình giảm nghèo nông nghiệp, phi nông nghiệp, khởi nghiệp và đa dạng hóa sinh kế; thực hiện hỗ trợ theo nhóm tự nguyện có đối ứng và có cơ chế luân chuyển một phần kinh phí Nhà nước.

- Tăng cường đào tạo nghề cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; rà soát tránh trùng lặp với các chương trình khác. Đôn đốc các cấp có thẩm quyền sớm thẩm định, phê duyệt các dự án hỗ trợ sản xuất để tạo sinh kế; ưu tiên hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất cho các đối tượng thuộc chương trình.

4. Đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- Trên cơ sở các xã mới hình thành và hướng dẫn của Bộ NN&MT, Sở NN&MT tiếp tục tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (NTM) năm 2025 và giai đoạn 2021–2025; đồng thời phối hợp các sở, ngành và UBND xã rà soát, triển khai nhiệm vụ, giải pháp phù hợp bối cảnh mới, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới phù hợp bối cảnh và thực tiễn mới.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách và ban hành văn bản hướng dẫn Chương trình giai đoạn 2026–2030 theo mô hình tổ chức hành chính 02 cấp. Chuyển trọng tâm từ tăng số lượng sang nâng cao chất lượng NTM, ưu tiên hoàn thành và nâng chuẩn các tiêu chí; phát triển NTM cấp thôn theo hướng dựa vào nội lực cộng đồng; đẩy mạnh giảm nghèo đa chiều, hỗ trợ sinh kế và phòng ngừa tái nghèo.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn theo hướng gia tăng giá trị, hỗ trợ phát triển du lịch nông nghiệp – sinh thái – cộng đồng gắn với lợi thế từng vùng. Phát huy vai trò chủ thể của người dân và doanh nghiệp trong lập kế hoạch, thực hiện và giám sát Chương trình.

- Thực hiện lồng ghép hiệu quả các nguồn vốn, tránh dàn trải; huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích địa phương khá hỗ trợ địa phương khó khăn. Tăng cường phân cấp cho cấp xã đi đôi với nâng cao năng lực cán bộ; cấp tỉnh giữ vai trò định hướng, ban hành chính sách và giám sát.

- Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống giám sát – đánh giá trực tuyến cho chương trình. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức và chất lượng các phong trào thi đua xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026–2030.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

(1) Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ sớm ban hành Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn tiếp theo (*trên cơ sở nội dung 03 Chương trình MTQG: Xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững và Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*);

(2) Các bộ, ngành liên quan sớm hoàn thiện, ban hành các cơ chế, chính sách và hướng dẫn thực hiện khắc phục những khó khăn, vướng mắc tại các nội dung, tiểu dự án, dự án đã có nhiều đề xuất điều chỉnh trong thực tiễn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025, nhằm giúp các địa phương có thể triển khai ngay từ năm 2026.

(3) Kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương và Chính phủ sớm phân bổ vốn hàng năm, giao kế hoạch vốn từ đầu năm để địa phương chủ động xây dựng kế hoạch, phân bổ và tổ chức thực hiện.

(4) Quy định cơ cấu, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh nhằm thực hiện đồng bộ trên phạm vi cả nước.

(5) Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sớm quy định chuẩn nghèo và người lao động có thu nhập thấp cho giai đoạn 2026-2030 thay thế Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 và Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội cho từng thời kỳ; kịp thời ban hành chính sách, dự án nhằm hỗ trợ cho nhóm đối tượng yếu thế để đảm bảo an sinh xã hội trong giai đoạn 2026-2030.

(6) Kính đề nghị các bộ, ngành liên quan trình các cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh tăng mức hỗ trợ học nghề cho lao động nông thôn (tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ); Sửa đổi cơ chế để Trung tâm GDNN-GDTX được thụ hưởng chương trình (theo quy định hiện hành Trung tâm GDNN-GDTX không phải là cơ sở giáo dục nghề nghiệp); Xem xét nâng định mức hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt phân tán (tại Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính) để hộ nghèo có điều kiện thực hiện, ổn định cuộc sống và phát triển sản xuất; Mở rộng đối tượng bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho toàn bộ giáo viên, y tế, cán bộ và hệ thống đoàn thể thôn, bản thuộc vùng DTTS và miền núi, đồng thời có cơ chế cấp nhật cho học viên đã bồi dưỡng trước đây.

(7) Kiến nghị các bộ, ngành Trung ương nâng cấp, điều chỉnh và hoàn thiện Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu phục vụ công tác giám sát, đánh giá tiến độ và báo cáo kết quả thực hiện 03 Chương trình MTQG trong giai đoạn sau theo hướng thân thiện với người sử dụng; có tổ chức đào tạo, hướng dẫn việc ứng dụng phần mềm cho cán bộ thực hiện công tác tại địa phương nhằm đảm bảo theo dõi thống nhất, đồng bộ, kịp thời trong bối cảnh rất nhiều đơn vị được phân giao vốn và cùng tham gia triển khai.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: TC; NNMT; DTTG;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, C4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Mah Tiệp